

Bản án số: 484/2018/HC-PT

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

“V/v khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 525/2017/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 948a/2018/QĐPT - HC ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Điền, xã Mỹ Long, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; Trú ấp Mỹ Điền, xã Mỹ Long, huyện C, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2018) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1968; Trú ấp Long Bình B, xã Long Hưng, huyện C1, tỉnh T – Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B – Vắng mặt.

Địa chỉ: 07 Cách mạng Tháng Tám Phường 3, thành phố B, tỉnh B.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện không ngày tháng năm 2017 của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ (Tòa án nhân dân tỉnh B nhận ngày 02/10/2017) và các lời khai tiếp theo của người đại diện cho người khởi kiện trình bày:

Khoảng 01 giờ ngày 02/3/2017, ông Nguyễn Văn Đ đang bơm hút cát tại khu vực Cồn Dơi thuộc ấp Phú Hội, xã Phú Đức, huyện C1, tỉnh B thì bị Đoàn công tác của Ủy ban nhân dân xã Phú Đức phát hiện. Ngày 10/3/2017, Công an huyện C1 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đ, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 xử phạt hành chính ông Đ với hình thức phạt tiền 16.000.000 đồng và tịch thu phương tiện vi phạm là một tàu vỏ sắt, số đăng kiểm VS 16045286, 01 động cơ máy thủy và động cơ bơm hút.

Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vì các lý do sau:

Đoàn công tác không lập biên bản ngay lúc phát hiện ông Đ bơm hút cát ngày 02/3/2017 mà đến ngày 10/3/2017 thì Công an huyện C1 mới lập biên bản vi phạm hành chính là không đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đoàn công tác không kiểm kê xác định khối lượng cát vi phạm mà chỉ dựa vào lời khai của ông Đ và những người có liên quan để xác định khối lượng cát vi phạm khoảng 10 m³ là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật xử lý vi phạm hành chính và việc áp dụng điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ là thiếu căn cứ.

Tại văn bản số 5202/UBND-NC ngày 13/11/2017 của người bị kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ sử dụng tàu vỏ sắt khai thác khoáng sản trái phép (khoảng 10 m³ cát lòng sông mà không có giấy phép) trên tuyến sông Tiền thuộc khu vực xã Phú Đức, huyện C1, tỉnh B bị Công an huyện C1 lập biên bản vi phạm hành chính số 0033/BB-VPHC lúc 09 giờ ngày 10/3/2017. Sau khi xem xét Tờ trình số 757/TTr-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 xử phạt hành chính đối với ông Đ là đúng quy định tại Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ và Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 79, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các điều 26, 57, 58, 59, 61, 66, 81 và Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/3/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn L đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ đề nghị xem xét Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có nhiều vi phạm về trình tự thủ tục ban hành, về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính, về địa điểm vi phạm, về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, về số lượng tang vật vi phạm hành chính, về đặc điểm phương tiện vi phạm hành chính, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ... Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng người bị kiện vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Tại thời điểm phát hiện vi phạm lúc 01 giờ ngày 02/3/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành bắt quả tang tàu sắt của ông Nguyễn Văn Đ đang khai thác cát sông nhưng không có giấy phép khai thác và yêu cầu ông Đ điều khiển tàu đến bến đò Kim Sơn để lập biên bản, nhưng khi đi đến đoạn sông vắng thì ông Đ đã xô lực lượng làm nhiệm vụ xuống sông (hành vi này của ông Đ đã bị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm phạt 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”) rồi điều khiển tàu bỏ trốn, nên Đoàn kiểm tra không thể lập biên bản vi phạm hành chính ngay được.

Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định về xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. Tàu sắt bị tịch thu là phương tiện vi phạm (không phải là tang vật vi phạm hành chính) nên không có căn cứ để chấp nhận việc ông Đ cho rằng việc định giá tàu sắt đã vi phạm thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh thì ông Nguyễn Văn Đ đều khai nhận đã bơm hút cát tại tuyến sông Tiền thuộc xã Phú Đức, huyện C1, tỉnh B với khối lượng cát đã hút trái phép là 10 m³. Ông Đa không đưa phương tiện về địa điểm Đoàn kiểm tra yêu cầu, mà ông Đa đã xô lực lượng xuống sông rồi điều khiển phương tiện chở lượng cát vi phạm đi bơm nên cho khách hàng nên việc kiểm tra số lượng cát vi phạm không thể thực hiện được, mà căn cứ vào lời thừa nhận của ông Đa để xác định khối lượng cát vi phạm. Kết luận định giá số 89/BKLDGTS ngày 23/3/2017 xác định phương tiện bị tịch thu trị giá 108.977.723 đồng. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 801/QĐ-XPVPHC ngày 04/4/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản và giao thông đường thủy nội địa đối với ông Nguyễn Văn Đ với mức phạt tiền 16.000.000 đồng và phạt bổ sung tịch thu phương tiện vi phạm là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, thời hạn và nội dung quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 37, khoản 3 Điều 45 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Các điều 38, 57, 58, 59, 61 và 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu hủy Quyết định số 801/QĐ-XPVPHC ngày 04/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính.

[3] Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008047 ngày 12/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

